TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M C** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M C, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tòng Văn Thanh.**
2. Ông **Nguyễn Khắc Thiện.**

Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2025/HNGĐ-ST ngày 25/02/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐHPT-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị L - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản M A 1, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Điêu Văn T - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản M A 1, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Chía – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/01/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

*** Về hôn nhân**: Chị và anh Điêu Văn T sau khi tìm hiểu yêu thương nhau anh báo cáo hai bên gia đình, được sự đồng ý của hai bên gia đình anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, về chung sống với nhau từ năm 2007. Đến ngày 11/4/2018 anh chị mới đến UBND xã P H làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau. Việc anh chị về chúng sống và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc gì. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2010 mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày không

tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, rồi anh T lao vào con đường sử dụng chất ma túy, từ đó giữa vợ chồng xảy ra cãi nhau nhiều hơn, cho đến cuối năm 2022 đầu năm 2023 do chị không thể chịu đựng được chị đã ra ở riêng, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Điêu Văn T.

*** Về con chung**: Anh chị có 04 con chung, Điêu Thị Danh, sinh ngày 23/5/2008; Điêu Thị Dinh, sinh ngày 08/4/2010; Điêu Thị Thùy Dương, sinh ngày 07/4/2017; Điêu Đức Huy, sinh ngày 01/11/2019. Do anh T thường xuyên vắng nhà nên khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả 04 cháu, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Sau khi anh T về nhà ở ổn định, anh T muốn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho 02 hay cả 04 cháu chị cũng đồng ý cho anh T trực tiếp chăm nuôi dưỡng, giáo dục cho các cháu cho đến khi các cháu đủ thành niên và có khả năng lao động và chị cũng không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

*** Về tài sản**: Anh chị không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về nợ chung**: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của các cháu Điêu Thị Danh, Điêu Thị Dinh, Điêu Thị Thùy Dương, trường hợp bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ.

Ngày 11/3/2025 Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của chị L và anh T, qua xác minh cho thấy, trong cuộc sống do anh chị không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện anh chị sống ly thân với nhau dẫn đến chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Chị L và anh T đều đảm bảo sức khỏe, lao động sản xuất và đủ lương T, T phẩm trong việc sinh hoạt hàng ngày, đều có đủ điều kiện nuôi con ngang nhau.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đến tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh T nhưng không gặp được anh T. Tòa án đã tiến hành xác minh tại bản M A 1, xã P H thì thấy: Anh T do không có việc làm ổn định nên thường đi làm thuê thỉnh thoảng mới về nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh T, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Anh Điêu Văn T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lý A Chía trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn.**

Về hôn nhân: Trong cuộc sống giữa vợ chồng chị L và anh T đã xảy nhiều cuộc cãi nhau, không còn tôn trọng nhau, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đầu năm 2023, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, như vậy mục đích cuộc hôn nhân giữa anh T và chị L không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Vậy đề nghị áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị L. Tuyên xử cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Điêu Văn T. Về con chung: Xét về hoàn cảnh T tế của chị L và anh T. Nguyện vọng của các cháu, vậy để đảm bảo cuộc sống hàng ngày của các cháu và nguyện vọng của chị L, đề nghị giao cả 04 cháu cho chị Lò Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị miễn toàn bộ án phí DSST cho chị Lò Thị L.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp Luật Tố tụng dân sự:** Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không hợp tác, không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án, do vậy tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; Điều 207; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8; khoản 1 Điều 9; các Điều 51; 53; 56; 57; Điều 58; 69; 70; 71; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị L. Tuyên xử cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Điêu Văn T. Xét nguyện vọng của chị L, quá trình xác minh của Tòa án về người trực tiếp nuôi con, anh T hay đi làm thuê thường xuyên vắng nhà, để chăm sóc giáo dục cho các cháu tốt cần giao cả 04 cháu cho chị L trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L. Về tài sản và nợ: đề nghị không xem xét giải quyết.

*** Về án phí**: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Lò Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Lò Thị L là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, chị Thủy xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình bị đơn trú tại bản M A 1, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do anh T không thường xuyên ở nhà nên Tòa án không tống đạt trực tiếp được các thông báo và quyết định của Tòa án cho anh T, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đó đảm bảo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết Tòa án thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh T, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, anh T cũng không gửi văn bản ghi kiến của mình cho Tòa án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Điêu Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị Lò Thị L có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định của pháp luật.

[2]. **Về nội dung vụ án**: Xét quan hệ hôn nhân chị L và anh T sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, được sự nhất trí của hai bên gia đình anh chị tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, về chung sống với nhau từ năm 2007, cho đến 11/4/2018 anh chị mới đến UBND xã P H, huyện M C đăng ký kết hôn với nhau. Việc anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa chị Lò Thị L và anh Điều Văn T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc, đến 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu chè, lao vào sử dụng chất ma túy, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xẩy ra tranh cãi nhau. Đỉnh điểm cao nhất việc mâu thuẫn giữa vợ chồng là vào cuối năm 2022 đầu năm 2023, chị L bỏ ra ở riêng, anh T đi làm thuê ít về nhà, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không còn quan tâm đến nhau. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên anh T không gửi cho Tòa án văn bản nào ghi ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con khi ly hôn giữa anh T và chị L. Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị L và anh T không còn tình cảm vợ chồng với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L đối với anh T. Tuyên xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 04 con chung, Điêu Thị Danh, sinh ngày 23/5/2008; Điêu Thị Dinh, sinh ngày 08/4/2010; Điêu Thị Thùy Dương, sinh ngày 07/4/2017; Điêu Đức Huy, sinh ngày 01/11/2019.

Xét nguyện vọng của chị L, nguyện vọng của các cháu Điêu Thị Danh, Điêu Thị Dinh, Điêu Thị Thùy Dương. Quá trình xác minh của Tòa án về người trực tiếp nuôi con phù hợp với nguyện vọng của chị L và các cháu, Anh T thường xuyên đi làm thuê không có thời gian chăm sóc các con. Nên áp dụng Điều 58; khoản 3 Điều 70; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cả 04 cháu cho chị L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ

18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa và những đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Lò Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Lò Thị L là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, chị L xin miễn án phí, nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị L là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

* Căn cứ Điều 8; khoản 1 Điều 9; các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 69; 70; 71; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

* Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lò Thị L. Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Điêu Văn T.

2.Về con chung: Giao các cháu Điêu Thị Danh, sinh ngày 23/5/2008; Điêu Thị Dinh, sinh ngày 08/4/2010; Điêu Thị Thùy Dương, sinh ngày 07/4/2017; Điêu Đức Huy, sinh ngày 01/11/2019 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị Lò Thị L không yêu cầu anh Điêu Văn T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Anh Điêu Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho chị Lò Thị L.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Lò Thị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

ngày 17/6/2025. Anh Điêu Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Người BVQ,LIHP của đương sự;
- UBND xã P H;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh